

Số: 21 /2025/TT-BCT

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025 (sau đây gọi là "Luật");

Căn cứ Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 3 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật ngày 16 tháng 4 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 40/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 52/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương, bao gồm: quy trình đề

xuất, xây dựng, ban hành quy phạm pháp luật; tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, liên tịch ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền.

2. Việc xây dựng, ban hành thông tư có nội dung về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong lĩnh vực công thương phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật và quy định của Thông tư này.

3. Việc xây dựng, ban hành thông tư liên tịch giữa Bộ trưởng Bộ Công Thương với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 49 của Luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các Vụ, Cục, Văn phòng Bộ, Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia, Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương (sau đây gọi chung là các đơn vị thuộc Bộ); tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

Điều 3. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo trong xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương do Bộ trưởng Bộ Công Thương, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Công Thương lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện.

2. Các Thứ trưởng phụ trách lĩnh vực chỉ đạo công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; chỉ đạo, đôn đốc đối với đơn vị chủ trì soạn thảo về tiến độ, nội dung, các vấn đề phức tạp, các vấn đề còn ý kiến khác nhau đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc đảm bảo tiến độ và chất lượng soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

3. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm chỉ đạo các công chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy của đơn vị trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

4. Việc báo cáo, xin ý kiến cấp ủy Đảng có thẩm quyền trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công Thương chủ trì đề xuất, xây dựng trình cấp có thẩm quyền hoặc ban hành theo thẩm quyền được thực hiện trong các thời điểm sau:

a) Đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội; lập đề xuất hoặc điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm;

b) Đề xuất xây dựng chính sách; trình Chính phủ thông qua chính sách đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ; hồ sơ trình nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

d) Quá trình hoàn thiện hồ sơ xây dựng chính sách; hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm định của Bộ Tư pháp và trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua hồ sơ chính sách dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới;

đ) Thông qua chủ trương đối với việc đề xuất xây dựng; trước khi ban hành thông tư của Bộ trưởng;

e) Thông qua chủ trương đối với một số hoạt động khác có liên quan đến quá trình xây dựng, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Việc phân định trách nhiệm của cấp ủy đơn vị chủ trì tham mưu, đề xuất, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật và cấp ủy có thẩm quyền ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành; trình tự, thủ tục báo cáo, xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng tại Bộ Công Thương thực hiện theo quy định, quy chế, hướng dẫn do cấp ủy Đảng có thẩm quyền ban hành.

Điều 4. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn, trong trường hợp đặc biệt

1. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại Điều 50, Điều 51 của Luật, khoản 1 Điều 35, khoản 5 Điều 38 và khoản 4 Điều 41 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp có căn cứ áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với thông tư của Bộ trưởng, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc xây dựng và ban hành thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn.

3. Bộ trưởng tự mình hoặc theo đề nghị của đơn vị chủ trì soạn thảo quyết định việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành thông tư.

4. Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong trường hợp đặc biệt thực hiện theo Điều 52 của Luật, khoản 2, 3, 4, 5 Điều 35 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Chương II

XÂY DỰNG LUẬT, NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI, PHÁP LỆNH, NGHỊ QUYẾT CỦA ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Điều 5. Lập đề xuất về Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội

1. Chậm nhất là ngày 10 tháng 5 của năm đầu tiên nhiệm kỳ của Quốc hội, đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình rà soát, nghiên cứu, gửi văn bản đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Vụ Pháp chế để tổng hợp.

2. Vụ Pháp chế có trách nhiệm tổng hợp đề xuất của các đơn vị thuộc Bộ, báo cáo Bộ trưởng để gửi Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 của năm đầu tiên nhiệm kỳ của Quốc hội.

3. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ lập pháp mới, đơn vị đề xuất trình Bộ trưởng để gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi.

4. Trước ngày 01 tháng 6 của năm trước liền kề với năm cuối nhiệm kỳ Quốc hội, Vụ Pháp chế có trách nhiệm chủ trì xây dựng Đề án sơ kết, tổng kết định hướng lập pháp nhiệm kỳ và xây dựng định hướng cho nhiệm kỳ kế tiếp trình Bộ trưởng ban hành. Trên cơ sở Đề án được Bộ trưởng phê duyệt, Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan trong Bộ tổ chức thực hiện Đề án. Kết quả thực hiện Đề án là cơ sở thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 6. Lập đề xuất về Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội

1. Căn cứ Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội hoặc yêu cầu giải quyết vấn đề bất cập, phát sinh từ thực tiễn, đơn vị lập đề xuất báo cáo Bộ trưởng về nội dung văn bản đề xuất theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và gửi Bộ Tư pháp trước ngày 01 tháng 6 hằng năm để tổng hợp.

2. Trường hợp cần điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội, đơn vị lập đề xuất xây dựng tờ trình theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Luật, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách có văn bản gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp đối với nội dung tờ trình đề xuất điều chỉnh.

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, đơn vị lập đề xuất có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện tờ trình đề xuất điều chỉnh, báo cáo Bộ trưởng quyết định việc trình Chính phủ tờ trình đề xuất điều chỉnh.

Trường hợp Chính phủ thông qua nội dung điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm, đơn vị lập đề xuất báo cáo Bộ trưởng về việc ký thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ thay mặt Chính phủ đối với tờ trình báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội đề nghị điều chỉnh Chương trình lập pháp hằng năm.

Điều 7. Xây dựng chính sách, trình Chính phủ thông qua chính sách

Đơn vị lập đề xuất chính sách đối với các văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Xác định chính sách theo quy định tại Điều 28 của Luật và xây dựng Kế hoạch chi tiết xây dựng chính sách trước khi trình Bộ trưởng xem xét, thông qua chủ trương xây dựng chính sách hoặc bổ sung chính sách mới.

2. Trên cơ sở chủ trương quy định tại khoản 1 Điều này, đơn vị lập đề xuất chính sách có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức đánh giá tác động chính sách theo quy định tại Điều 29 của Luật và Điều 14 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ chính sách theo quy định tại khoản 2 Điều 30 của Luật;

c) Tổ chức lấy ý kiến về hồ sơ chính sách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 30 của Luật và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức hội nghị tham vấn chính sách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật và khoản 1 Điều 15 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Xây dựng bản tổng hợp giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân, ý kiến của các tổ chức, cá nhân tại hội nghị tham vấn chính sách. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

e) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông chính sách từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua chính sách. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị lập đề xuất thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Đơn vị lập đề xuất chính sách trình Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ đề xuất chính sách quy định tại khoản 2 Điều 31 của Luật và khoản 1 Điều 16 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị lập đề xuất chính sách nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ chính sách báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ chính sách chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị lập đề xuất chính sách có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ chính sách, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để

thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị lập đề xuất chính sách báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua chính sách, đơn vị lập đề xuất chính sách có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách. Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ chính sách làm thay đổi cơ bản nội dung chính sách đã trình, lược bỏ, bổ sung chính sách mới so với hồ sơ trình, đơn vị lập đề xuất chính sách có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định trước khi trình lại Chính phủ.

7. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ chính sách, đơn vị lập đề xuất có trách nhiệm chỉnh lý hồ sơ chính sách theo quyết nghị của Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, thông qua làm cơ sở giao đơn vị lập đề xuất chính sách thực hiện quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật để quy phạm hóa chính sách.

Điều 8. Soạn thảo, gửi thẩm định và trình Chính phủ xem xét, quyết định trình dự án luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Lập hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 4 Điều 33 Luật. Trong đó, dự thảo tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm b khoản này theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 của Luật và điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Đối với văn bản đã được thông qua chính sách theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì không bắt buộc phải lấy ý kiến;

d) Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 33 của Luật;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 20 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết từ thời điểm xin ý kiến cho đến khi Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Đối với trường hợp trong quá trình soạn thảo phát sinh chính sách mới, đơn vị chủ trì soạn thảo thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

4. Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật và khoản 1 Điều 19 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, báo cáo Bộ trưởng để trình Chính phủ.

Trường hợp ý kiến thẩm định là hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự án, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi văn bản cho Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, quyết nghị thông qua hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự án theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách. Trường hợp việc tiếp thu, chỉnh lý làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung nội dung mới so với hồ sơ trình, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm đánh giá bổ sung các nội dung thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định trước khi trình lại Chính phủ.

Hồ sơ dự án trình Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại Điều 6 và khoản 2 Điều 20 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

7. Khi Chính phủ quyết nghị thông qua hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với Thường trực cơ quan chủ trì thẩm tra, Bộ Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan chỉnh lý hồ sơ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trên cơ sở đó, trình Bộ trưởng hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết đã chỉnh lý để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trình Quốc hội.

Điều 9. Trình Quốc hội thông qua luật, pháp lệnh, nghị quyết

1. Trên cơ sở quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết gửi cơ quan chủ trì thẩm tra theo phân công của Quốc hội. Hồ sơ dự án theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Luật.

2. Khi nhận được yêu cầu tham gia phiên họp thẩm tra do cơ quan thẩm tra của Quốc hội triệu tập, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm báo cáo Bộ trưởng phân công Lãnh đạo Bộ dự phiên họp thẩm tra.

3. Trường hợp Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lại hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết do chưa đủ điều kiện trình theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 37 của Luật, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ việc giải trình, tiếp thu hoàn thiện hồ sơ dự án để trình lại hoặc lùi thời điểm trình Quốc hội.

4. Trường hợp hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết chưa được sự thống nhất của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc dự án có nội dung quan trọng, phức tạp cần có thêm thời gian để nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý theo quy định của khoản 5 Điều 38 của Luật, điểm d khoản 7 Điều 40 của Luật, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định việc trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ lùi thời điểm trình Quốc hội hoặc trình lại.

Chương III

XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Mục 1

ĐĂNG KÝ XÂY DỰNG NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 10. Lập danh mục văn bản quy định chi tiết

1. Đối với văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Lập danh mục văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó nêu rõ tên văn bản được quy định chi tiết; nội dung giao quy định chi tiết; cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp; thời hạn trình hoặc ban hành;

b) Gửi danh mục văn bản quy định chi tiết quy định tại điểm a khoản này đến Vụ Pháp chế trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua;

c) Bảo đảm chất lượng, tiến độ soạn thảo, thời hạn trình văn bản quy định chi tiết theo quyết định ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết của Thủ tướng Chính phủ;

2. Đối với văn bản quy định chi tiết nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách để có thông báo bằng văn bản theo mẫu kèm theo Phụ lục I Thông tư này cho bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nghị định, nghị quyết, quyết định đó được ký ban hành;

b) Tham mưu Lãnh đạo Bộ phụ trách để có thông báo bằng văn bản theo mẫu kèm theo Phụ lục I Thông tư này cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về các nội dung của thông tư giao Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày thông tư được ký ban hành;

c) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết của các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thi hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo; việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thi hành thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương; kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong quá trình soạn thảo văn bản quy định chi tiết.

3. Vụ Pháp chế có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

a) Tổng hợp đề xuất của đơn vị, lập danh mục các nội dung luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao cho các bộ, cơ quan ngang bộ, chính quyền địa phương quy định chi tiết, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thông qua;

b) Theo dõi, đôn đốc việc soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo để thi hành luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; nghị định, nghị quyết của Chính phủ; quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 11. Đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

Đơn vị đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Rà soát cơ sở đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở báo cáo rà soát tại khoản 1 Điều này, đơn vị lập đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm trình Lãnh đạo Bộ phụ trách, Bộ trưởng để gửi văn bản đăng ký xây dựng nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo báo cáo rà soát đến Văn phòng Chính phủ để thực hiện đăng ký vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo Quy chế làm việc của Chính phủ. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì không phải thực hiện việc đăng ký.

Mục 2

XÂY DỰNG, BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 12. Soạn thảo, gửi thẩm định và trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị định

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và

các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo nghị định báo cáo Bộ trưởng để trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì trình Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó.

Trên cơ sở hồ sơ dự thảo văn bản đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo nghị định theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để báo cáo Thủ tướng Chính phủ đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị của Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan để tiếp thu, chỉnh lý hồ sơ dự thảo theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền và kịp thời báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách.

7. Đối với nghị định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 14 của Luật, trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị định hoặc xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành nghị định, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan tiếp thu ý kiến của thành viên Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản.

8. Trường hợp dự thảo nghị định được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Nghị định.

Trường hợp dự thảo nghị định chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo văn bản theo chỉ đạo của Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ nghị định đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 13. Soạn thảo, thẩm định, trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết của Chính phủ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 14 của Luật và nghị quyết thực hiện thí điểm một số chính sách khác với nghị định, nghị quyết của Chính phủ

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng Kế hoạch soạn thảo chi tiết, báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua, đồng thời gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức lấy ý kiến đối với nội dung dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

d) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Trên cơ sở hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Chính phủ.

4. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo

Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 14. Soạn thảo, thẩm định, trình Chính phủ thông qua dự thảo nghị quyết của Chính phủ thực hiện thí điểm một số chính sách chưa có pháp luật điều chỉnh thuộc thẩm quyền của Chính phủ

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Xây dựng Kế hoạch soạn thảo chi tiết báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua, đồng thời gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Căn cứ Kế hoạch soạn thảo chi tiết được phê duyệt, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản và đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến, phản biện xã hội đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 27 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, phản biện xã hội. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Chính phủ thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và

các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP trước khi báo cáo Bộ trưởng để trình Chính phủ.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì trình Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó.

Trên cơ sở hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng thông qua hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Chính phủ.

6. Trong quá trình Chính phủ xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp thu ý kiến của các thành viên Chính phủ, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, đơn vị chủ trì soạn thảo phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, báo cáo Bộ trưởng xem xét, trình Chính phủ hồ sơ dự thảo nghị quyết đã được chỉnh lý, hoàn thiện.

Điều 15. Soạn thảo, gửi thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định

Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách xem xét, thông qua Kế hoạch soạn thảo chi tiết. Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

2. Trên cơ sở Kế hoạch soạn thảo chi tiết đã được thông qua, đơn vị soạn thảo có trách nhiệm thực các nội dung sau:

a) Tổng kết, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản đối với trường hợp ban hành văn bản quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 15 của Luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Tổ chức việc soạn thảo. Trường hợp cần thiết, đơn vị chủ trì soạn thảo đề xuất và trình Lãnh đạo Bộ phụ trách ký ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Lập hồ sơ dự thảo văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP. Trong đó, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ các nội dung quy định tại Điều 6 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

d) Tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ tại điểm c khoản này theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 36 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) trong thời gian ít nhất là 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác;

e) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

g) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành quyết định. Nội dung, hình thức truyền thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì soạn thảo thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội.

3. Trình Lãnh đạo Bộ phụ trách gửi hồ sơ dự thảo theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP đến Bộ Tư pháp để thẩm định. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm bổ sung hồ sơ theo đề nghị của Bộ Tư pháp.

4. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ hoặc chỉ đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ sau khi tiếp thu, hoàn thiện, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu tiếp thu,

chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định, báo cáo Bộ trưởng để trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

5. Trường hợp ý kiến thẩm định là dự thảo văn bản không đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách để gửi hồ sơ dự thảo văn bản đến Bộ Tư pháp để thẩm định lại. Trong quá trình hoàn thiện hồ sơ dự thảo làm phát sinh các nội dung thay đổi cơ bản, lược bỏ, bổ sung mới so với hồ sơ gửi thẩm định, đơn vị chủ trì trình Bộ trưởng xem xét, quyết định đối với các thay đổi, lược bỏ, bổ sung mới đó.

Trên cơ sở hồ sơ dự thảo văn bản đã được chỉnh lý, hoàn thiện, thống nhất với các cơ quan có liên quan, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng xem xét, thông qua hồ sơ dự thảo quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để trình Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Bộ Tư pháp.

Mục 3

XÂY DỰNG, BAN HÀNH THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Điều 16. Quy trình đề xuất, soạn thảo thông tư

1. Trừ trường hợp xây dựng thông tư quy định chi tiết văn bản quy phạm pháp luật của cấp trên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, đơn vị đề xuất trình Thủ trưởng phụ trách và Bộ trưởng chấp thuận chủ trương đối với việc xây dựng thông tư thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

2. Việc báo cáo xin chấp thuận chủ trương xây dựng thông tư tại khoản 1 Điều này phải làm rõ các nội dung sau: căn cứ chính trị, pháp lý, thực tiễn; dự kiến Kế hoạch soạn thảo chi tiết; phân công, nguồn lực, tiến độ thực hiện; sự cần thiết thành lập Tổ soạn thảo (nếu có); dự kiến danh sách, số lượng, quy mô các đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản. Đối với trường hợp đề xuất xây dựng thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn, báo cáo xin chấp thuận chủ trương phải bao gồm nội dung đề nghị áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn theo quy định tại khoản 3 Điều 51 của Luật.

Kế hoạch soạn thảo chi tiết phải được gửi cho Vụ Pháp chế để theo dõi, đôn đốc tiến độ.

3. Trường hợp thành lập Tổ soạn thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo trình Lãnh đạo Bộ phụ trách quyết định thành lập Tổ soạn thảo gồm: Thủ trưởng đơn vị chủ trì soạn thảo là Tổ trưởng; lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo là Tổ phó thường trực; đại diện Vụ Pháp chế; đại diện Văn phòng Bộ (trong trường hợp nội dung thông tư có chứa thủ tục hành chính); đại diện Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản

lý doanh nghiệp (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, thống kê, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá); đại diện Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc ứng dụng, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo); đại diện Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số (trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số); đại diện Đảng ủy Bộ (trường hợp cấp có thẩm quyền có chỉ đạo cụ thể về quan điểm, chủ trương, phương hướng, yêu cầu); các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

4. Trong quá trình soạn thảo, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm:

a) Xây dựng hồ sơ dự thảo thông tư theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 39 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

b) Gửi Báo Công Thương để đăng tải hồ sơ dự thảo thông tư trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình trong thời gian ít nhất 10 ngày để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến, trừ trường hợp điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.

c) Tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của thông tư và cơ quan, tổ chức có liên quan. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm lấy ý kiến Văn phòng Bộ trong trường hợp nội dung thông tư có chứa thủ tục hành chính; Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách nhà nước, đầu tư, thống kê, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức tính giá; Vụ Chính sách thương mại đa biên và Vụ Phát triển thị trường nước ngoài trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung nội luật hoá điều ước quốc tế; Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến các tiêu chuẩn, quy chuẩn, việc ứng dụng, thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số trong trường hợp nội dung thông tư liên quan đến dịch vụ công trực tuyến, chuyển đổi số.

Tùy theo tính chất và nội dung của dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo có thể lấy ý kiến của các bộ, cơ quan ngang bộ khác, cơ quan thuộc Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan, tổ chức có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, thời hạn lấy ý kiến là 10 ngày kể từ ngày lấy ý kiến;

d) Chủ trì, phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và tổ chức, cá nhân khác có liên quan tổ chức truyền thông dự thảo từ thời điểm lấy ý kiến đến khi trình Bộ trưởng thông qua dự thảo. Nội dung, hình thức truyền

thông được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và các nội dung khác mà đơn vị chủ trì thấy cần thiết để đạt được hiệu quả và đồng thuận xã hội;

đ) Xây dựng bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý. Gửi Báo Công Thương để đăng tải bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương và đăng tải trên trang thông tin điện tử của đơn vị mình (nếu có) chậm nhất là 25 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày;

6. Trong quá trình lấy ý kiến và truyền thông dự thảo thông tư, đơn vị chủ trì soạn thảo kịp thời tổng hợp, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ phụ trách, Bộ trưởng về những vấn đề lớn còn ý kiến khác nhau.

Điều 17. Gửi hồ sơ để thẩm định

1. Đơn vị chủ trì soạn thảo gửi hồ sơ thẩm định bản điện tử và 01 bản giấy gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này đến Vụ Pháp chế.

2. Vụ Pháp chế tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ dự thảo thông tư do các đơn vị gửi để thẩm định. Trường hợp thành phần hồ sơ gửi thẩm định chưa đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều này, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Vụ Pháp chế đề nghị đơn vị chủ trì soạn thảo bổ sung hồ sơ.

3. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định của đơn vị chủ trì soạn thảo;

b) Dự thảo tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Dự thảo thông tư;

d) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp theo Mẫu số 06 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (nếu có);

đ) Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo Thông tư (đối với trường hợp ban hành thông tư quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật) theo Mẫu số 08 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

e) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo Mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

g) Văn bản thẩm định của Bộ Khoa học và Công nghệ trong trường hợp dự thảo thông tư có nội dung liên quan đến quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

h) Các tài liệu khác theo quy định (nếu có).

4. Hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo thông tư ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn bao gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định của đơn vị chủ trì soạn thảo;

b) Dự thảo tờ trình theo Mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

c) Dự thảo thông tư;

d) Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân (nếu có) theo Mẫu số 09 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

5. Thời hạn tổ chức thẩm định:

a) Không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư và không quá 10 ngày làm việc đối với nội dung dự thảo thông tư phức tạp, liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực;

b) Không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày Vụ Pháp chế nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đề nghị thẩm định đối với dự thảo thông tư có nội dung được xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 18. Tổ chức thẩm định dự thảo thông tư

1. Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định thông qua hội đồng thẩm định đối với các dự thảo thông tư do các đơn vị thuộc Bộ chủ trì soạn thảo trừ các trường hợp sau:

a) Thông tư xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn;

b) Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật của ngành, lĩnh vực đã được cơ quan có thẩm quyền cho ý kiến, thẩm định theo quy định của pháp luật;

c) Thông tư không có quan điểm và nội dung về những vấn đề cơ bản còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.

Trường hợp không thẩm định thông qua hội đồng thẩm định, Vụ Pháp chế tổ chức cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

Trường hợp cần thiết, Vụ Pháp chế thừa lệnh Bộ trưởng mời đại diện các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia, nhà khoa học, đại diện đối tượng chịu tác động trực tiếp tham gia thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản.

2. Trong trường hợp thẩm định thông qua hội đồng thẩm định, Vụ Pháp chế chịu trách nhiệm đề xuất thành phần, cơ cấu hội đồng thẩm định. Thành phần hội đồng thẩm định gồm ít nhất các thành viên sau: Chủ tịch Hội đồng, thành viên là đại diện các đơn vị trong, ngoài Bộ có liên quan, đại diện Đảng ủy Bộ, thư ký hội đồng thẩm định. Chánh Văn phòng Bộ ký thừa lệnh Bộ trưởng quyết định thành lập hội đồng thẩm định trên cơ sở đề xuất của Vụ Pháp chế.

Hội đồng thẩm định chấm dứt hoạt động và tự giải thể sau khi kết thúc cuộc họp hội đồng thẩm định.

3. Vụ Pháp chế gửi tài liệu họp thẩm định đến các thành viên tham gia thẩm định chậm nhất là 03 ngày làm việc, trước ngày tổ chức thẩm định. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định hoặc hội đồng thẩm định có trách nhiệm tham gia thẩm định nội dung thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, chuyên môn của mình và có thể tham gia ý kiến về các nội dung khác khi thấy phù hợp. Ý kiến của người tham gia thẩm định do cơ quan, tổ chức cử là ý kiến đại diện của cơ quan, tổ chức đó.

Trường hợp không thể tham gia cuộc họp của hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, thành viên hội đồng thẩm định, người tham gia cuộc họp thẩm định phải gửi ý kiến thẩm định bằng văn bản đến Vụ Pháp chế trước ngày diễn ra cuộc họp thẩm định. Ý kiến bằng văn bản được trình bày công khai tại cuộc họp thẩm định và ghi nhận tại biên bản cuộc họp thẩm định.

4. Nội dung thẩm định tập trung vào các vấn đề sau đây:

a) Sự cần thiết ban hành thông tư; phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của thông tư;

b) Sự phù hợp của nội dung dự thảo thông tư với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước;

c) Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo thông tư với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được phân cấp, bảo đảm bình đẳng giới (nếu có);

đ) Nguồn tài chính, nguồn nhân lực;

e) Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản.

5. Báo cáo thẩm định và biên bản họp thẩm định phải thể hiện đầy đủ ý kiến về các nội dung quy định tại khoản 4 Điều này. Biên bản họp thẩm định phải được lập sau cuộc họp của hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định và được sự thống nhất của các thành viên tham gia.

6. Đơn vị được phân công chủ trì soạn thảo có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan nghiên cứu, tiếp thu ý kiến thẩm định để chỉnh lý dự thảo.

Điều 19. Báo cáo thẩm định

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp thẩm định, Vụ Pháp chế hoàn thành báo cáo thẩm định gửi đơn vị chủ trì soạn thảo.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định tại báo cáo thẩm định để chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư.

Trường hợp dự thảo thông tư còn ý kiến khác nhau giữa đơn vị chủ trì soạn thảo và ý kiến thẩm định, ý kiến của các tổ chức, cá nhân là đối tượng chịu tác động trực tiếp của văn bản, đơn vị chủ trì soạn thảo báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách hoặc Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc tổ chức họp với các đơn vị liên quan để thảo luận, thống nhất trước khi thực hiện quy trình tại Điều 20 Thông tư này.

Điều 20. Trình tự xem xét, ký ban hành thông tư

Đơn vị chủ trì soạn thảo trình Bộ trưởng hồ sơ dự thảo thông tư để ký ban hành. Hồ sơ bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 17 Thông tư này kèm theo báo cáo thẩm định và báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định.

Trường hợp có ý kiến của cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự thảo thông tư. Hồ sơ dự thảo thông tư trình Bộ trưởng bao gồm:

1. Các tài liệu quy định tại khoản 3 hoặc khoản 4 Điều 17 của Thông tư này đã được lãnh đạo đơn vị ký, đóng dấu (nếu có). Trong đó lãnh đạo đơn vị chủ trì soạn thảo phải ký tất vào tất cả các trang của dự thảo thông tư;
2. Báo cáo thẩm định;
3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định;
4. Bản tổng hợp ý kiến của cấp có thẩm quyền.

Chương IV

PHÁT HÀNH, ĐĂNG TẢI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 21. Phát hành thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo

1. Sau khi thông tư, thông tư liên tịch được Bộ trưởng ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Văn phòng Bộ 02 (hai) bản giấy đã được ký, trong đó có 01 (một) bản có chữ ký tất của lãnh đạo đơn vị vào tất cả các trang của dự thảo Thông

tư kèm theo bản điện tử và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản điện tử so với bản chính của thông tư, thông tư liên tịch.

2. Văn phòng Bộ vào sổ thông tư, thông tư liên tịch, đóng dấu, lưu trữ, nhân bản, gửi thông tư, thông tư liên tịch cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo phần “Nơi nhận” của thông tư, thông tư liên tịch.

3. Văn phòng Bộ kiểm soát thời hạn có hiệu lực của thông tư, thông tư liên tịch trong quá trình phát hành đảm bảo thực hiện theo đúng quy định tại Điều 53 của Luật.

Điều 22. Đăng tải trên công báo điện tử, Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương, Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

1. Đăng tải trên công báo điện tử và Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo có trách nhiệm gửi thông tư, thông tư liên tịch (01 bản giấy ghi rõ “Văn bản gửi đăng tải trên công báo điện tử” và bản điện tử) đến Văn phòng Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP để đăng trên công báo điện tử; đồng thời gửi Báo Công Thương để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương;

b) Thông tư, thông tư liên tịch được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn phải được gửi đến Văn phòng Chính phủ ngay trong ngày ký ban hành để đăng tải trên công báo điện tử;

c) Đơn vị chủ trì soạn thảo chịu trách nhiệm về việc không gửi hoặc gửi chậm, gửi không đầy đủ, chính xác văn bản để đăng tải trên công báo điện tử.

2. Đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp có thẩm quyền ký ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo gửi Vụ Pháp chế bản điện tử của văn bản quy phạm pháp luật (định dạng “.pdf” có dấu đỏ và định dạng “.doc”) để đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước, văn bản quy định không được đăng tải công khai trên mạng.

Chương V

TỔ CHỨC THI HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Điều 23. Xây dựng, ban hành Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật được xây dựng và ban hành đối với các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật;

b) Văn bản quy phạm pháp luật khác không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này nhưng cần thiết xây dựng kế hoạch triển khai thi hành theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật đó hoặc theo quyết định của Bộ trưởng.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, báo cáo Bộ trưởng xem xét đề trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật đối với các văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Căn cứ kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật do Thủ tướng Chính phủ ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Công Thương.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật xây dựng, trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

4. Thời hạn xây dựng, ban hành kế hoạch triển khai thi hành văn bản quy phạm pháp luật và các nội dung của kế hoạch triển khai thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 24. Phổ biến, giáo dục pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch.

2. Các đơn vị thuộc Bộ thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực được giao quản lý.

3. Cung cấp thông tin xây dựng Thông cáo báo chí

a) Đối với luật, pháp lệnh, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội sau khi Chủ tịch nước ký lệnh công bố: Đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Văn phòng Chủ tịch nước về văn bản quy phạm pháp luật để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí theo quy định tại Điều 12 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012.

b) Đối với nghị định, nghị quyết chứa quy phạm pháp luật của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi được ban hành: Đơn vị chủ trì soạn thảo cung cấp thông tin cho Bộ Tư pháp về văn bản quy phạm pháp luật chậm nhất vào ngày 05 của tháng tiếp theo để phục vụ việc xây dựng Thông cáo báo chí, đồng thời gửi Vụ Pháp chế để theo dõi chung.

Nội dung văn bản cung cấp thông tin thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BTP ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc ban hành thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Điều 25. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện đối với văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 61 của Luật trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 60 của Luật.

2. Đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm tiếp nhận, rà soát nội dung đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc hướng dẫn áp dụng thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành để báo cáo Bộ trưởng xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Hồ sơ báo cáo Bộ trưởng bao gồm các văn bản, tài liệu sau đây:

a) Tờ trình hoặc Phiếu trình Bộ trưởng;

b) Dự thảo văn bản về việc hướng dẫn áp dụng thông tư; bản chính hoặc bản sao của thông tư cần được hướng dẫn áp dụng;

c) Văn bản đề nghị, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

d) Ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan (nếu có);

đ) Các tài liệu khác (nếu cần thiết).

3. Trường hợp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng đối với văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật có trách nhiệm rà soát nội dung cần hướng dẫn và báo cáo Bộ trưởng xem xét, ký ban hành văn bản hướng dẫn. Hồ sơ báo cáo Bộ trưởng bao gồm các văn bản, tài liệu sau đây:

a) Các văn bản, tài liệu quy định tại các điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều này;

b) Dự thảo văn bản về việc hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật; bản chính hoặc bản sao của văn bản quy phạm pháp luật cần được hướng dẫn áp dụng;

c) Văn bản ủy quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Các nguyên tắc, tiêu chí hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 61 của Luật.

5. Việc tiếp nhận, xử lý đề nghị, kiến nghị hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật và việc đăng tải văn bản hướng dẫn được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

6. Các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thi hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 26. Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Pháp chế chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thuộc trách nhiệm, thẩm quyền kiểm tra của Bộ trưởng, đơn đốc, chỉ đạo công tác kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật ở Bộ Công Thương; đơn đốc, phối hợp, hướng dẫn, tổng hợp kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật chung của Bộ Công Thương.

2. Vụ Pháp chế xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật hằng năm trước ngày 01 tháng 01 của năm kế hoạch; xây dựng báo cáo hằng năm về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm giúp Bộ trưởng thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Bộ Công Thương quy định tại khoản 2 Điều 64 của Luật điều chỉnh những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách của đơn vị mình; xây dựng và trình Bộ trưởng để ban hành hoặc trình Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản quy định tại khoản 4 Điều 63 của Luật do Bộ trưởng ban hành bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện có dấu hiệu trái pháp luật, đơn vị chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật đó có trách nhiệm rà soát, giải trình cụ thể và báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Việc kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 63, 64 của Luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP.

Điều 27. Hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình chủ trì soạn thảo khi được sửa đổi, bổ sung, gồm:

a) Văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương, thông tư liên tịch do Bộ Công Thương là cơ quan chủ trì soạn thảo.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo thời hạn, tính chính xác về nội dung và kỹ thuật hợp nhất theo quy định tại pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Đăng tải văn bản hợp nhất trên công báo, trang thông tin điện tử và Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật

a) Đối với văn bản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký xác thực, đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Chính phủ để đăng trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và đăng công báo; gửi cho Vụ Pháp chế để cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

b) Đối với văn bản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày ký xác thực, đơn vị thực hiện việc hợp nhất gửi văn bản hợp nhất cho Báo Công Thương để đăng trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương; gửi văn bản hợp nhất cho Văn phòng Chính phủ để thực hiện việc đăng công báo; gửi cho Vụ Pháp chế để cập nhật trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

Điều 28. Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện pháp điển đối với văn bản quy phạm pháp luật do mình chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được Bộ giao quản lý.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm đảm bảo thời hạn, tính chính xác về nội dung, đúng quy trình, thủ tục và tuân thủ kỹ thuật pháp điển theo quy định tại pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 29. Theo dõi, kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật

1. Vụ Pháp chế đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng thực hiện công tác theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý của Bộ Công Thương; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch theo dõi việc thi hành văn bản quy

phạm pháp luật của Bộ Công Thương trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ ban hành kế hoạch trọng tâm, liên ngành, gửi về Bộ Tư pháp để theo dõi, tổng hợp; xây dựng báo cáo định kỳ hằng năm về tổ chức thi hành pháp luật trình Bộ trưởng gửi Bộ Tư pháp tổng hợp.

2. Các đơn vị thuộc Bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng tổ chức thi hành pháp luật và kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực được giao quản lý thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

3. Vụ Pháp chế tham mưu, giúp Bộ trưởng kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật đối với các đơn vị thuộc Bộ và kiểm tra tổng thể công tác tổ chức thi hành pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương để phục vụ xây dựng, điều chỉnh Định hướng lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội.

4. Việc kiểm tra công tác tổ chức thi hành pháp luật được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP.

Điều 30. Kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

1. Vụ Pháp chế đầu mối, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Căn cứ vào mục đích, yêu cầu tại kế hoạch kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính do Bộ trưởng ban hành và quy định của pháp luật có liên quan, thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tự kiểm tra công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong nội bộ đơn vị mình, kiểm tra người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính thuộc phạm vi quản lý của mình.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 31. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ

1. Trách nhiệm của đơn vị lập đề xuất xây dựng, đơn vị chủ trì soạn thảo:

a) Đảm bảo việc đề xuất xây dựng, soạn thảo và ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo đúng quy trình quy định tại Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này;

b) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về tiến độ, chất lượng lập đề xuất chính sách, soạn thảo; truyền thông chính sách và dự thảo văn bản quy phạm

pháp luật; việc tiếp thu, giải trình đầy đủ các ý kiến góp ý, tham vấn, phản biện xã hội, thẩm định, thẩm tra;

c) Đối với những đơn vị có tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế, phải đảm bảo việc tham gia của tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;

d) Rà soát tiêu chuẩn, điều kiện để kiện toàn tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế của đơn vị, lập danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị gửi Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ;

đ) Phối hợp với Báo Công Thương, Tạp chí Công Thương và các cơ quan, tổ chức khác tổ chức truyền thông chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

e) Thực hiện công bố thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì xây dựng và phối hợp với Văn phòng Bộ trong các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính khác theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

g) Rà soát, gửi danh sách các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của đơn vị đến Vụ Pháp chế để tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt danh sách các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực Công Thương làm cơ sở để các đơn vị tham khảo, lựa chọn chuyên gia tư vấn trong hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật;

h) Thực hiện báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương theo mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này gửi đến Vụ Pháp chế qua địa chỉ email: VPC@moit.gov.vn chậm nhất trước 11h00 thứ Sáu hằng tuần và chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về báo cáo tiến độ văn bản của đơn vị mình;

i) Đảm bảo thông tư, thông tư liên tịch được gửi đầy đủ đến các cơ quan có thẩm quyền để theo dõi, kiểm tra và đăng công báo điện tử theo quy định;

k) Sơ kết, tổng kết việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 80/2025/NĐ-CP;

l) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, Nghị định số 79/2025/NĐ-CP, Nghị định số 80/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Vụ Pháp chế:

a) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về việc đảm bảo thời hạn và chất lượng kết quả thẩm định thông tư mà đơn vị gửi đến;

b) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện việc báo cáo tiến độ; đôn đốc và tổng hợp báo cáo về tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Bộ;

c) Dự thảo báo cáo 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất về công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo của Lãnh đạo Bộ hoặc yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

d) Tổng hợp, trình Bộ trưởng ban hành Danh sách người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ;

đ) Tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, phê duyệt danh sách các chuyên gia, nhà khoa học trong lĩnh vực Công Thương;

e) Hướng dẫn, đôn đốc việc hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật, pháp điển quy phạm pháp luật của các đơn vị;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác tổ chức việc dịch văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư này.

3. Trách nhiệm của Văn phòng Bộ:

a) Có ý kiến đối với quyết định công bố thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

b) Kiểm soát việc thực hiện thủ tục hành chính: Công khai thủ tục hành chính tại văn bản quy phạm pháp luật; tiếp nhận, phân công xử lý và theo dõi, đôn đốc việc xử lý phản ánh kiến nghị về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực công thương quy định tại văn bản quy phạm pháp luật; chủ trì phân công các đơn vị chuyên môn thực hiện việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trong lĩnh vực công thương theo quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BCT;

c) Kiểm soát thời điểm có hiệu lực của thông tư trong quá trình phát hành đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của Điều 53 của Luật;

d) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ trong công tác tổ chức truyền thông đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

4. Trách nhiệm của Báo Công Thương:

a) Đăng tải dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để lấy ý kiến, nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương và gửi ý kiến

góp ý trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để đơn vị chủ trì soạn thảo tiếp thu, giải trình hoặc thông báo cho đơn vị chủ trì soạn thảo trong trường hợp không nhận được ý kiến góp ý sau khi hết thời hạn lấy ý kiến;

b) Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị báo chí, truyền thông khác trong công tác tổ chức truyền thông đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

5. Trách nhiệm của Tạp chí Công Thương:

Phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ, đơn vị báo chí, truyền thông khác trong công tác tổ chức truyền thông đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP.

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức pháp chế, người làm công tác pháp chế tại các đơn vị thuộc Bộ

1. Rà soát, có ý kiến đối với đề xuất nhiệm vụ lập pháp nhiệm kỳ của Quốc hội; đề xuất văn bản vào Chương trình lập pháp hằng năm của Quốc hội; chủ trương xây dựng chính sách hoặc bổ sung chính sách mới đối với các văn bản quy phạm pháp luật; đề xuất xây dựng và trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền đối với nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Tham gia vào quá trình soạn thảo, hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo.

3. Rà soát trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; rà soát, bảo đảm thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản do đơn vị chủ trì soạn thảo.

4. Theo dõi và đôn đốc tiến độ đối với các văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị chủ trì soạn thảo. Đầu mỗi báo cáo tiến độ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật định kỳ hoặc theo yêu cầu của Vụ Pháp chế.

5. Chủ trì thực hiện pháp điển quy phạm pháp luật, hợp nhất văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Đảm bảo nguồn nhân lực và cơ sở vật chất cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Lãnh đạo Bộ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình bố trí cán bộ, kinh phí hỗ trợ, phương tiện làm việc, thông tin và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Tổ chức, người làm công tác pháp chế được hưởng các cơ chế, chính sách đặc thù cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Kinh phí xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật

1. Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp phân bổ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật hằng năm của Bộ Công Thương theo quy định hiện hành.

2. Việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật cho các đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo phân cấp quản lý về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Cục Đổi mới sáng tạo, Chuyển đổi xanh và Khuyến công phối hợp với Vụ Kế hoạch, Tài chính và Quản lý doanh nghiệp bố trí kinh phí cho các đề tài nghiên cứu các luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi, đối tượng điều chỉnh rộng, phức tạp, có khả năng gây tác động lớn do đơn vị chủ trì xây dựng văn bản hoặc Vụ Pháp chế đề xuất, phù hợp với quy định trong hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm của Bộ.

Điều 35. Thi đua, khen thưởng

1. Việc thực hiện đúng tiến độ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo Kế hoạch soạn thảo chi tiết được Lãnh đạo Bộ thông qua hoặc theo quyết định của cấp có thẩm quyền và không trái với quy định của pháp luật là một trong những căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

2. Đơn vị được giao làm đầu mối về công tác thi đua, khen thưởng lấy ý kiến Vụ Pháp chế về tiến độ soạn thảo văn bản của các đơn vị thuộc Bộ khi tiến hành đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng hằng năm đối với cá nhân, đơn vị thuộc Bộ.

Điều 36. Xử lý trách nhiệm

1. Bộ trưởng xem xét, xử lý trách nhiệm tập thể, người đứng đầu đơn vị được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Điều 68 của Luật.

2. Lãnh đạo Bộ được giao nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo lĩnh vực được phân công mà để chậm tiến độ thì bị phê bình trong tập thể Lãnh đạo Bộ, trừ trường hợp đã kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Thông tư này.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 37. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 4 năm 2025, thay thế Thông tư số 47/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Pháp chế) để được hướng dẫn, giải quyết.

Nơi nhận:

- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ;
- Các Lãnh đạo Bộ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Công báo;
- Lưu: VT, PC (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục I

MẪU THÔNG BÁO VỀ NỘI DUNG GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT TẠI NGHỊ ĐỊNH, NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ, QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ, THÔNG TƯ CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025 /TT-BCT ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

V/v¹

Hà Nội, ngày tháng năm

Kính gửi:²

.....³ có hiệu lực thi hành kể từ ngày⁴, Bộ Công Thương thông báo các nội dung nghị định của Chính phủ/ng nghị quyết của Chính phủ/quyết định của Thủ tướng Chính phủ/thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương giao các bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản quy định chi tiết nghị định của Chính phủ/ng nghị quyết của Chính phủ/quyết định của Thủ tướng Chính phủ/thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương như sau:

TT	Nội dung giao quy định chi tiết	Điều, khoản, điểm giao quy định chi tiết	Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết
1.			
2.			
3.			

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ...⁵.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

¹ Trích yếu tóm tắt về thông báo các nội dung giao quy định chi tiết tại nghị định của Chính phủ/ nghị quyết của Chính phủ/ quyết định của Thủ tướng Chính phủ/ thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

² Tên bộ, cơ quan ngang bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được giao ban hành văn bản quy định chi tiết.

³ Tên văn bản quy phạm pháp luật giao quy định chi tiết.

⁴ Ngày có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết.

⁵ Tên đơn vị chủ trì soạn thảo Công văn thông báo.

Phụ lục II

MẪU BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HÀNG TUẦN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 21/2025 /TT-BCT ngày 26 tháng 4 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐƠN VỊ BÁO CÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ HÀNG TUẦN

(Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

Kính gửi: Vụ Pháp chế

I. Dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Thời gian trình (theo văn bản chỉ đạo của cấp trên)	Tiến độ xây dựng	Đánh giá so với Kế hoạch soạn thảo chi tiết được duyệt

II. Dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Thời gian trình (theo văn bản chỉ đạo của cấp trên)	Tiến độ xây dựng	Đánh giá so với Kế hoạch soạn thảo chi tiết được duyệt

III. Dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Thời gian trình (theo văn bản chỉ đạo của cấp trên)	Tiến độ xây dựng	Đánh giá so với Kế hoạch soạn thảo chi tiết được duyệt

IV. Dự thảo thông tư/thông tư liên tịch

TT	Tên văn bản quy phạm pháp luật	Thời gian trình (theo văn bản chỉ đạo của cấp trên)	Tiến độ xây dựng	Đánh giá so với Kế hoạch soạn thảo chi tiết được duyệt

